

Bản án số: 116/2021/DS-ST
Ngày: 08 - 12 - 2021
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Và hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA ,TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông Nguyễn Trí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2021/TLST – DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 204/2021/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1975.

Ông Trần Văn K, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Hai bên đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2020 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày như sau:

Ngày 27/9/2021, do chỗ làm ăn quen biết nên bà T đã cho ông K, bà D mượn số tiền 413.500.000đồng, cụ thể:

Ngày 10/12/2015, cho ông K mượn số tiền 10.000.000đồng.

Ngày 09/01/2017, cho ông K mượn số tiền 45.000.000đồng.

Ngày 20/4/2020, cho bà D mượn số tiền 175.000.000đồng.

Ngày 22/7/2020, cho bà D mượn số tiền 10.000.000đồng.

Ngày 27/7/2020, cho bà D mượn số tiền 20.000.000đồng.

Ngày 15/3/2021, cho bà D mượn số tiền 30.000.000đồng.

Ngày 11/5/2021, cho bà D mượn số tiền 20.000.000đồng.

Ngày 03/7/2021, cho bà D mượn số tiền 31.500.000đồng.

Ngày 09/02/2021, giao hui cho bà D số tiền 36.000.000đồng.

Ngày 15/4/2021, giao hui cho bà D số tiền 36.000.000đồng.

Nay bà T yêu cầu bà D và ông K có trách nhiệm liên đới trả số tiền 413.500.000đ. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà D và ông K trình bày: bà D và ông K xác nhận có nợ bà T số tiền 413.500.000đ (ông K nợ 55.000.000đồng còn bà D nợ 358.500.000đồng). Nay bà T yêu cầu bà D và ông K có trách nhiệm liên đới trả số tiền 413.500.000đ thì bà D đồng ý trả 358.500.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ còn ông K đồng ý trả 55.000.000đồng và không đồng ý liên đới cùng bà D trả 413.500.000đồng. Tại phiên tòa, bà D cho rằng chỉ nợ bà T số tiền 225.000.000đồng, nợ hui số tiền 72.000.000đồng và nộp giấy kê nợ (do tự nhớ ghi ra).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”; Bị đơn bà D và ông K có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo giấy xác nhận của Công an xã Mỹ Hạnh N ngày 11/10/2021) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Qua yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các Giấy xác nhận vay nợ các ngày 10/12/2015; 09/01/2017; 20/4/2020; 22/7/2020; 27/7/2020; 15/3/2021; 11/5/2021; 03/7/2021; 09/02/2021; 15/4/2021 thể hiện bà D và ông K có mượn của bà T tổng số tiền 413.500.000đồng. Bị đơn ông K xác nhận có mượn của bà T số tiền 55.000.000đồng và đồng ý trả nợ vào ngày 15/6/2022 nhưng ông K không đồng ý cùng bà D liên đới trả số tiền 413.500.000đồng vì ông K cho rằng đó là bà D nợ không được nguyên đơn bà T đồng ý. Mặt khác, tại tòa bà D cho rằng chỉ mượn bà T số tiền 225.000.000đồng và nợ hui số tiền 72.000.000đồng, tổng cộng 297.000.000đồng chứ không phải nợ bà T tổng số tiền 358.500.000đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh và bà D thừa nhận tất cả các giấy nợ bà T xuất trình cho Tòa án đều do bà D ký tên, lấn tay nên yêu cầu của bà D không được Hội đồng xét xử chấp nhận. bà D mượn tiền chi tiêu trong sinh hoạt cũng nhằm phát sinh lợi nhuận trang trải gia đình và ông Kinh có biết bà D mượn nợ của bà T vì lâu lâu cũng có hỏi bà T xem bà D mượn bao nhiêu tiền nên bà T yêu cầu ông Kinh có trách nhiệm liên đới với bà D trả lại tiền cho bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 288, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 15,

Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hui, biêu, phưong nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà D và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288, Điều 471, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15, Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hui” đối với bà Trần Thị D và ông Trần Văn K.

Buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền 413.500.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới chịu 20.675.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà T số tiền 10.270.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8797 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án này là sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- Các đương sự
- Chi cục THA.
- Lư hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Hiệp